

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Cấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đào Việt Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp về ly hôn - Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Tuấn A, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm Thanh Xuyên 4, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm Thanh Xuyên 4, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn Anh Đỗ Tuấn A trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ánh N kết hôn với nhau ngày 17/10/2019, trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Về thủ tục kết hôn: Ngày 17/10/2019 Anh Đỗ Tuấn A và chị Nguyễn Thị Ánh N đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên. Sau đó vợ chồng về sống chung với gia đình bố mẹ chồng tại Xóm Thanh Xuyên 4, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 3 năm 2020 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp

với nhau và gia đình không hòa hợp với nhau, chị N có quan hệ tình cảm, nhắn tin qua lại với người yêu cũ nên cuộc sống vợ chồng và gia đình thường xuyên xảy nẩy sinh mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Từ tháng 4 năm 2020 chị Ngọc đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, không còn quan tâm gì tới cuộc sống vợ chồng và gia đình. Sau khi chị N bỏ đi, được sự động viên của gia đình anh và bố mẹ đã đến gia đình bố mẹ chị N để nói chuyện, khuyên nhủ và đón chị Ngọc về chung sống, nhưng chị Ngọc không về, nhiều lần chị Ngọc yêu cầu anh viết đơn để vợ chồng ly hôn.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh N.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chưa có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Anh Đỗ Tuấn A đã nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55, ngày 17/10/2019 của UBND xã Trung Thành; Bản sao sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của Anh Đỗ Tuấn A và chị Nguyễn Thị Ánh N.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày: Quá trình tìm hiểu và kết hôn giữa chị và Anh Đỗ Tuấn A là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối, cưỡng ép. Chị và Anh Đỗ Tuấn A đã đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật tại UBND xã Trung Thành ngày 17/10/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với bố mẹ chồng tại Xóm Thanh Xuyên 4, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên cho đến tháng 4 năm 2020. Tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân hạnh phúc với nhau được thời gian ngắn thì nẩy sinh mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Tuấn Anh nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác, tính cách và nếp sống giữa hai gia đình không hòa hợp với nhau. Vì vậy từ tháng 4 năm 2020 chị đã phải trở về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng ly thân nhau kể từ đó cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng là không đáng có, nên không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của Anh Đỗ Tuấn A. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì yêu cầu Tòa án buộc Anh Đỗ Tuấn A phải bồi thường tuổi thanh xuân cho chị theo quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Như Anh Đỗ Tuấn A trình bày là đúng, vợ chồng chưa có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau, nhưng Anh Đỗ Tuấn A xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh N. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên cần phải đưa vụ án ra xét xử để xem xét yêu cầu, nguyện vọng của các bên.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn không thống nhất được với nhau về việc giải

quyết vụ án, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh N; bị đơn không nhất trí với yêu cầu của Nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật; Xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách đương sự, việc thu thập chứng cứ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án. Đối với người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tình trạng hôn nhân giữa Anh Đỗ Tuấn A và chị Nguyễn Thị Ánh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Anh Đỗ Tuấn A được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Ánh N.

- *Về con chung, tài sản chung, nợ chung*: Không có, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra còn đề nghị về phần án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện Anh Đỗ Tuấn A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1995, nơi cư trú: Xóm Thanh Xuyên 4, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Do bị đơn cư trú tại: Xóm Thanh Xuyên 4, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự - Xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Về quyền yêu cầu giải quyết ly hôn: Tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*”. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của Anh Đỗ Tuấn A đối với chị Nguyễn Thị Ánh N được Tòa án thụ lý, xem xét giải quyết theo quy định.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị Ánh N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, sự vắng mặt của bị đơn không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đỗ Tuấn A và chị Nguyễn Thị Ánh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Trung Thành ngày 17/10/2019, nên quan hệ hôn nhân của Anh Đỗ Tuấn A và chị Nguyễn Thị Ánh N là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2.2]. *Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân:*

Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình;

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”

Tuy nhiên đối với tình trạng hôn nhân giữa Anh Đỗ Tuấn A và chị Nguyễn Thị Ánh N, HĐXX thấy rằng: Vợ chồng kết hôn với nhau thời gian ngắn thì đã nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến việc ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do các bên bất đồng với nhau về tính cách và quan điểm trong cuộc sống; thiếu tin tưởng và nghi ngờ nhau trong cuộc sống vợ chồng. Kể từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra các bên cũng không tìm được tiếng nói chung và giải pháp để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng; bản thân chị Ngọc không muốn ly hôn, nhưng cũng không trở về chung sống với Anh Đỗ Tuấn A để xây dựng gia đình hạnh phúc, ấm no, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình.

Xét tình trạng hôn nhân giữa Anh Đỗ Tuấn A và chị Nguyễn Thị Ánh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc duy trì quan hệ hôn nhân giữa Anh Đỗ Tuấn A và chị Nguyễn Thị Ánh N sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của Đỗ Tuấn Anh đối với chị Nguyễn Thị Ánh N là có căn cứ và được chấp nhận .

[2.3]. *Về con chung và tài sản chung, nợ chung:* Vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[2.4]. *Đối với yêu cầu đòi bồi thường tuổi xuân:* Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ánh N yêu cầu Tòa án buộc Anh Đỗ Tuấn A phải bồi thường tuổi xuân cho chị, do đơn phương ly hôn. Xét yêu cầu trên của chị Ngọc là không phù hợp với quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc kết hôn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy yêu cầu trên của chị Nguyễn Thị Ánh N là không có cơ sở để được xem xét.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Tuấn A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Anh Đỗ Tuấn A về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Tuấn A được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chưa có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Tuấn A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004964 ngày 15 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Trung Thành;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Văn Cần

